

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DSST

Ngày: 24-4-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm

2. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1964 – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn B, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966

Bà Trần Thị Y, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa về nội dung khởi kiện như sau:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ý có mua thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản tại đại lý do bà Nguyễn Thị C làm chủ hộ kinh doanh từ năm 2018. Hai bên có lập bản đối chiếu công nợ vào ngày 24/12/2021, số tiền ông T và bà Ý nợ bà C số tiền 65.586.000 đồng. Ông T có hứa trả hàng tháng nhưng không thực hiện. Sau đó, ông T có làm lại bản đối chiếu nợ lại vào ngày 27/8/2022 và hứa trả vào trả số tiền trên vào vụ cá tiếp theo. Tuy nhiên, bà C đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T và bà Ý vẫn không thanh toán nợ. Bà C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Ý có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 65.586.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm mua vào tháng 10/2018, theo mức lãi suất 1,5%/tháng, số tiền lãi tạm tính đến thời điểm làm đơn khởi kiện là 56.076.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi tạm tính là 121.662.000 đồng; yêu cầu ông T, bà ý còn trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ông T và bà Ý có nghĩa vụ trả số nợ gốc là 65.586.000 đồng. Về tiền lãi, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi, hiện nay nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 24/12/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc. Về mức lãi suất vẫn giữ nguyên yêu cầu tính mức lãi suất 1,5%/tháng.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày nội dung sự việc như sau: Năm 2018 ông T, bà Ý có nuôi cá tra bột, có mua thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi cá tại đại lý của nguyên đơn. Trong giai đoạn đầu thị trường giá cả tốt, bán có lời ông T và bà Ý có trả tiền mua thức ăn đầy đủ. Sau đó, giá thị trường sụt lổ nên ông T, bà Ý không trả nổi nên nợ lại số tiền 65.586.000 đồng. Hiện nay, ông T xác nhận ông và bà Ý còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 65.586.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông yêu cầu được trả dần theo vụ lúa và không phải trả lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Ý trình bày tại các bản tự khai nộp tại Tòa án và tại phiên tòa như sau như sau:

Năm 2018 bà và ông T có chăn nuôi cá tra bột, giá cả thị trường cao và cá không đậu nên ông không có tiền để trả cho nguyên đơn. Hiện nay, bà Ý xác nhận có nợ tiền gốc là 65.586.000 đồng. Bà Ý đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và không phải trả lãi do điều kiện kinh tế khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ý phải thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

[2] Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ thời điểm bắt đầu mua bán là tháng 10 năm 2018 và lãi phát sinh. Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ thời điểm đối chiếu công nợ là 24/12/2021 và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện có lợi cho bị đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C có yêu cầu ông T và bà Ý trả số tiền nợ gốc là 65.586.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 24/12/2021. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về số nợ gốc: Các đương sự trình bày thống nhất với nhau về việc ông T, bà Ý có nuôi cá tra bột vào năm 2018 và mua thức ăn, thuốc thủy sản tại cửa hàng do bà Nguyễn Thị C chủ hộ kinh doanh. Việc mua bán diễn ra từ năm 2018 đến 24/12/2021 hai bên chốt nợ và lập biên bản đối chiếu nợ vào ngày 24/12/2021, số tiền gốc ông T và bà Ý còn nợ là 65.586.000 đồng. Biên bản đối chiếu công nợ có thể hiện hai bên thỏa thuận trả dần tiền hàng tháng. Tuy nhiên, ông T, bà Ý không thực hiện trả theo thỏa thuận. Đến năm 2022, bà C yêu cầu ký lại biên nhận nợ và có cho ông T, bà Ý trả khi lên vụ cá, mỗi vụ trả 5.000.000 đồng, vụ nào lên

cá nhiều sẽ trả nhiều và trả tiền lãi tính từ ngày mua. Tuy nhiên, ông T và bà Ý vẫn không trả cho bà C khoản nào. Hiện nay, ông T, bà Ý thống nhất còn nợ bà C số nợ gốc là 65.586.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu ông T, bà Ý trả số nợ 65.586.000 đồng có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về tiền lãi: Tại văn bản đối chiếu công nợ có ghi rõ mức lãi suất chậm trả là 2%/tháng, lãi tính từ ngày mua bán. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định của pháp luật. Ông T và bà Ý xin trả nợ gốc, không trả lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý do khoản nợ ông T và bà Ý đã nợ đã lâu. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật. Cụ thể, tại Điều 440 Bộ Luật dân sự quy định nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán và về lãi chậm trả như sau:

“Điều 440. Nghĩa vụ trả tiền

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.
2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.
3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Tại Điều 357 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 quy định về lãi suất như sau:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4.3] Tiền lãi phải trả được tính như sau:

Từ 24/12/2021 đến ngày xét xử (24/4/2024) là 02 năm 04 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, nợ gốc là 65.586.000 đồng, tiền lãi phải trả là 27.546.120 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi phải trả là 93.132.120 đồng.

[4.4] về thời gian trả: Các đương sự không thống nhất được với nhau về thời gian trả, bị đơn ông T, bà Ý yêu cầu được trả dần nhưng không được sự đồng ý của phía nguyên đơn. Do đó, sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có quyền liên hệ cơ quan thi hành án dân sự để thi hành.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 4, 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 434, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 65.586.000 đồng, tiền lãi là 27.546.120 đồng. Tổng cộng số nợ gốc và lãi là 93.132.120 đồng (Chín mươi ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.041.550 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn năm trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0003389, ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

3.2. Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ý phải chịu 4.656.606 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng) án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn Trần Thị Ý có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh